

Số: 12/2023/QĐST-HNGĐ

Trà Ôn, ngày 17 tháng 01 năm 2023

**QUYẾT ĐỊNH**  
**CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN**  
**VÀ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ**

Căn cứ hồ sơ vụ án dân sự thụ lý số 466/2022/TLST- HNGĐ ngày 26 tháng 10 năm 2022, giữa:

- Nguyên đơn: Anh **Huỳnh Đức T**, sinh năm 1982.

- Bị đơn: Chị **Nguyễn Thị Kiều P**, sinh năm 1979.

Cùng địa chỉ cư trú: ấp H, xã X, huyện T, tỉnh Vĩnh Long.

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào các Điều 55, 58, 81, 82 và Điều 83 của Luật Hôn nhân và gia đình;

Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành ngày 09 tháng 01 năm 2023.

**XÉT THẤY:**

Việc thuận tình ly hôn và thỏa thuận của các đương sự ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành ngày 09 tháng 01 năm 2023 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

**QUYẾT ĐỊNH:**

**1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa:** Anh Huỳnh Đức T và chị Nguyễn Thị Kiều P.

**2. Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:**

**2.1. Về con chung:**

Giao 02 con chung tên Huỳnh Đức Khôi N, sinh ngày 05/9/2005 và Huỳnh Đức Phong G, sinh ngày 28/5/2012 cho anh Huỳnh Đức T trực tiếp nuôi dưỡng. Chị Nguyễn Thị Kiều P có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi 02 con chung, mỗi con chung 1.000.000đ (Một triệu đồng)/tháng. Thời hạn cấp dưỡng tính từ ngày

09/01/2023 cho đến khi con chung đủ 18 tuổi. Chị P có quyền và nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở.

Kể từ ngày tiếp theo của ngày ra Quyết định công nhận thuận tình ly hôn và thỏa thuận của các đương sự cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

**2.2. Về tài sản chung, nợ chung:** Anh Huỳnh Đức T và chị Nguyễn Thị Kiều P không yêu cầu nên Tòa án không xem xét, giải quyết.

**2.3. Về án phí dân sự sơ thẩm:**

Anh Huỳnh Đức T phải nộp 150.000đ (*Một trăm năm mươi ngàn đồng*) án phí ly hôn. Khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000đ (*Ba trăm ngàn đồng*) anh T đã nộp theo biên lai thu số 0014917 ngày 24/10/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Trà Ôn, tỉnh Vĩnh Long. Hoàn trả lại cho anh T số tiền chênh lệch 150.000đ (*Một trăm năm mươi ngàn đồng*).

Chị Nguyễn Thị Kiều P phải nộp 150.000đ (*Một trăm năm mươi ngàn đồng*) án phí cấp dưỡng nuôi con.

Trường hợp quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

**3.** Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

**Nơi nhận:**

- Đương sự;
- Viện kiểm sát nhân dân huyện Trà Ôn;
- UBND xã L, huyện G, tỉnh Tiền Giang  
(Giấy chứng nhận kết hôn số 82 ngày 22/8/2005);
- Lưu hồ sơ vụ án.

**THẨM PHÁN**  
**(Đã ký)**

**Nguyễn Thị Thúy An**